

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Hải quan là tổ chức thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về hải quan và tổ chức thực thi pháp luật về hải quan trong phạm vi cả nước.

2. Cục Hải quan có tư cách pháp nhân, con dấu có hình Quốc huy, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính đề trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

a) Các dự án Luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về hải quan;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động, đề án, dự án quan trọng về hải quan;

c) Dự toán thu ngân sách nhà nước hàng năm từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định:

- a) Dự thảo thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về hải quan;
- b) Kế hoạch hoạt động hàng năm của Cục Hải quan;
- c) Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo quy định của Luật Hải quan.

3. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; văn bản cá biệt theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, trả lời vướng mắc về chính sách thuộc lĩnh vực hải quan theo phân công, phân cấp.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình dự án, đề án về hải quan sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

5. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ:

a) Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

b) Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

c) Tổ chức thực hiện công tác phân tích để phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật; kiểm tra về tiêu chuẩn, chất lượng, kiểm dịch, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo đề nghị của các Bộ, ngành hoặc phân công của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan;

đ) Phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan để thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; phòng, chống hàng giả trong lĩnh vực hải quan trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; thực hiện phối hợp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới ngoài phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; điều tra, khởi tố đối với các vụ việc vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

g) Tổ chức thực hiện chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về hải quan;

h) Quản lý hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử theo quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

i) Thực hiện công tác thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định;

k) Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan.

7. Thực hiện công tác pháp chế theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

8. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thi hành pháp luật về hải quan; thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về tổ tụng hành chính; hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

9. Thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật hải quan; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, kinh phí được giao theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế về hải quan theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và phương pháp quản lý hải quan hiện đại trong ngành hải quan.

12. Tổ chức thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về hải quan; tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong phạm vi quản lý của Cục Hải quan làm nền tảng thực hiện Hải quan số, Hải quan thông minh; tổ chức thực hiện một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và thực hiện cơ chế kết nối một cửa quốc gia với các tổ chức kinh tế quốc tế, các quốc gia, các vùng lãnh thổ theo các cam kết quốc tế Việt Nam là thành viên hoặc theo phân công của Chính phủ.

13. Quản lý, vận hành hoạt động Cổng thông tin thương mại Việt Nam (VTIP).

14. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ; vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, miễn nhiệm, cách chức, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức

và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

15. Thực hiện cải cách hành chính theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

16. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính và theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

Cục Hải quan được tổ chức từ Trung ương đến địa phương theo mô hình 03 cấp:

1. Cục Hải quan có 12 đơn vị tại Trung ương:

- a) Văn phòng;
- b) Ban Pháp chế;
- c) Ban Tổ chức cán bộ;
- d) Ban Thanh tra - Kiểm tra;
- đ) Ban Tài vụ - Quản trị;
- e) Ban Giám sát quản lý về hải quan;
- g) Ban Nghiệp vụ thuế hải quan;
- h) Ban Quản lý rủi ro;
- i) Ban Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan;
- k) Chi cục Kiểm định hải quan;
- l) Chi cục Điều tra chống buôn lậu;
- m) Chi cục Kiểm tra sau thông quan.

Các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này là tổ chức hành chính giúp Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

Văn phòng, Ban Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Chi cục Kiểm định hải quan, Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục Kiểm tra sau thông quan có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Ban Tài vụ - Quản trị có 04 tổ; Ban Giám sát quản lý về hải quan có 05 tổ; Ban Nghiệp vụ thuế hải quan có 04 tổ; Ban Quản lý rủi ro có 05 tổ; Văn phòng có 05 tổ; Ban Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan có 07 tổ; Chi cục Kiểm định hải quan có 03 phòng, 05 đội; Chi cục Điều tra chống buôn lậu có 04 phòng, 08 đội; Chi cục Kiểm tra sau thông quan có 04 phòng, 06 đội.

Các đội thuộc Chi cục Kiểm định hải quan; Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục Kiểm tra sau thông quan có con dấu riêng theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục Hải quan tại địa phương được tổ chức theo 20 khu vực. Tên gọi, trụ sở và địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan khu vực theo Phụ lục đính kèm.

Các Chi cục Hải quan khu vực được tổ chức bình quân không quá 08 Văn phòng, Phòng, Đội nghiệp vụ trên một Chi cục Hải quan khu vực.

3. Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu trực thuộc Chi cục Hải quan khu vực.

Số lượng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu không quá 165 đơn vị. Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu không tổ chức các đơn vị bên trong, làm việc theo chế độ chuyên viên.

Các Chi cục Hải quan khu vực, các Đội thuộc Chi cục Hải quan khu vực và Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu trực thuộc Chi cục Hải quan khu vực có tư cách pháp nhân, con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có trách nhiệm

a) Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan khu vực, Chi cục Kiểm định hải quan, Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục Kiểm tra sau thông quan.

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Ban, Văn phòng thuộc Cục Hải quan.

Điều 4. Lãnh đạo Cục Hải quan:

1. Cục Hải quan có Cục trưởng Cục Hải quan và một số Phó Cục trưởng Cục Hải quan.

2. Cục trưởng Cục Hải quan là người đứng đầu Cục Hải quan, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Hải quan. Phó Cục trưởng Cục Hải quan chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Hải quan và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cục Hải quan có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tổng cục Hải quan đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn, quy trình, quy chế của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho đến khi cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản này.

2. Cục trưởng Cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức, sắp xếp để các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục Hải quan đi vào hoạt động theo mô hình mới trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

2. Cục trưởng Cục Hải quan, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: 

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- VP Đảng ủy; Công đoàn;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCCB (40b). 

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Văn Thắng**

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: 53 /SY-TCHQ

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng cục Hải quan (05b);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc TCHQ (Khai thác trên hệ thống Cces);
- Lưu: VT. 

SAO Y

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

**Trương Thị Thúy Vinh**



Phụ lục

**TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ ĐỊA BÀN QUẢN LÝ
CỦA CÁC CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC**

(Kèm theo Quyết định số: 382/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính)

STT	Tên đơn vị	Địa bàn quản lý	Trụ sở chính
1	Chi cục Hải quan khu vực I	Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hòa Bình, Yên Bái	Hà Nội
2	Chi cục Hải quan khu vực II	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
3	Chi cục Hải quan khu vực III	Hải Phòng, Thái Bình	Hải Phòng
4	Chi cục Hải quan khu vực IV	Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Nam Định	Hưng Yên
5	Chi cục Hải quan khu vực V	Bắc Ninh, Bắc Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn	Bắc Ninh
6	Chi cục Hải quan khu vực VI	Lạng Sơn, Cao Bằng	Lạng Sơn
7	Chi cục Hải quan khu vực VII	Hà Giang, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La	Lào Cai
8	Chi cục Hải quan khu vực VIII	Quảng Ninh	Quảng Ninh
9	Chi cục Hải quan khu vực IX	Quảng Bình, Quảng Trị, Huế	Quảng Bình
10	Chi cục Hải quan khu vực X	Thanh Hóa, Ninh Bình	Thanh Hóa
11	Chi cục Hải quan khu vực XI	Nghệ An, Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
12	Chi cục Hải quan khu vực XII	Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi	Đà Nẵng
13	Chi cục Hải quan khu vực XIII	Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Định, Phú Yên	Khánh Hòa
14	Chi cục Hải quan khu vực XIV	Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng	Đắk Lắk
15	Chi cục Hải quan khu vực XV	Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu
16	Chi cục Hải quan khu vực XVI	Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh	Bình Dương
17	Chi cục Hải quan khu vực XVII	Long An, Bến Tre, Tiền Giang	Long An
18	Chi cục Hải quan khu vực XVIII	Đồng Nai	Đồng Nai
19	Chi cục Hải quan khu vực XIX	Cần Thơ, Cà Mau, Hậu Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu	Cần Thơ
20	Chi cục Hải quan khu vực XX	Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang	Đồng Tháp